TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm.

2. Ông Nguyễn Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1987. Địa chỉ: 72/3D ấp An Hòa 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Long Thạnh, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(*Bà K có đơn xin vắng mặt, ông Th vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh K trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên bà và ông Th đi đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2007. Sống chung đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Bà và ông Th đã ly thân từ năm 2023 đến nay.

Nay bà K xác định tình cảm vợ chồng với ông Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Th.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 08/8/2008. Sau khi ly hôn, bà K đồng ý giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Văn Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Lê Văn Th vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Chứng cứ mà bà Nguyễn Thị Thanh K cung cấp trong vụ án là: Bản sao Trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; Đơn xin xác nhận cư trú; Bản photo căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Th. Ông Lê Văn Th cư trú tại ấp Long Thạnh, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Bình An xác nhận ông Lê Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Long Thạnh, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Th, ông Th đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K và ông Th.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà K, thấy rằng: Bà K và ông Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2007 ngày 29/10/2007 nên hôn nhân của bà K và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Theo bà K nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà K cũng đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không Th. Bà K và ông Th đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà K xác định tình cảm vợ chồng với ông Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Th. Về phía ông Th, từ khi bà K nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K nhưng ông Th cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông Th không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà K đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà K trình bày bà và ông Th có 01 con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 08/8/2008. Sau khi ly hôn, bà K đồng ý giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà K không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.1] Xét thấy, con chung tên Quốc B có nguyện vọng ở với ông Th khi cha mẹ ly hôn và bà K đồng ý giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng của bà K nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung tên Lê Quốc B cho ông Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà K trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Ông Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện việc bà K không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận, nếu sau này ông Th có yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà K trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho đến nay, ông Th không có ý kiến về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà K, ông Th nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Lê Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh K được ly hôn với ông Lê Văn Th.

2. Về con chung: Ông Lê Văn Th được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 08/8/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thanh K có quyền và nghĩa vụ tới thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009615 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Bà Nguyễn Thị Thanh K đã nộp đủ án phí. Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Bình An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Quân